

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **38/2021/HS-ST**

Ngày: **02/11/2021**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Thế Ứng

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày **02** tháng **11** năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2021/TLST- HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

A, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1997 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B, sinh năm 1967 và bà B1, sinh năm 1968; có chồng là B2, sinh năm 1997; có 02 người con lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- Bị hại: Chị C, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- Người làm chứng: Anh D, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 22/02/2021, chị C, sinh năm 1987, nơi cư trú ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang đi công việc, đưa con nhỏ của chị C khóc đòi sữa mẹ nên A, sinh năm 1997, nơi cư trú ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang cùng chị Đ, sinh năm 1984, nơi cư trú ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang sang nhà chị C dỗ bé. Khi A cho bé bú sữa thì chồng chị C là anh D, sinh năm 1987 và chị Đ đi ra ngoài, chị Đ về nhà, còn anh D dẫn con của A đi mua sữa. Lúc này, chỉ còn A và đưa bé ở trong phòng, sau khi dỗ bé ngủ, A nảy sinh ý định trộm tiền của chị C, A dùng tay giật mạnh cánh cửa tủ bằng kim loại, lấy một cái bóp màu đen, A lấy một xấp tiền gồm 08 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000 đồng bỏ vào túi áo rồi đem về nhà cất vào túi xách màu đỏ của mình. Khoảng 19 cùng ngày, chồng của A là anh E, sinh năm 1997, nơi cư trú ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang điều khiển xe mô tô chở A và con về nhà mẹ tại ấp A4, xã A5, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang. Sáng ngày 23/02/2021, A phát hiện số tiền lấy trộm của chị C đã bị rơi mất.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 4.000.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy, A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên của mình.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã tạm giữ 01 túi xách màu đỏ, loại túi xách tay.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo A đã bồi thường cho bị hại chị C số tiền 8.300.000 đồng, chị C không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 04/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo A khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các quyết định cũng như hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thị xã Cai Lậy, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tại cơ quan điều tra bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “ Trộm cắp tài sản. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Về vật chứng tịch thu và tiêu hủy 01 túi xách màu đỏ, loại túi xách tay.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo sẽ sửa sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được ở ngoài để nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về việc vắng mặt người làm chứng anh D: Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của người làm chứng và việc vắng mặt của anh D không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo A. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: vào ngày 22/02/2021 tại nhà của chị C ở ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của chị C số tiền 4.000.000 đồng, trong đó: 08 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Lời trình bày của bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cho nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ của vụ án: Hành vi do bị cáo A gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo A thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo A với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Đối với anh E không biết việc bị cáo A trộm cắp tài sản nên không có dấu hiệu tội phạm. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy không đưa anh E vào tham gia tố tụng tại tòa.

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa chị C khai mất 8.300.000 đồng, nhưng bị cáo A chỉ thừa nhận lấy trộm 4.000.000 đồng. Ngoài lời khai của

chị C thì không có chứng cứ nào khác chứng minh, nên chỉ có căn cứ quy kết bị cáo A trộm cắp số tiền 4.000.000 đồng.

[7] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tại cơ quan điều tra bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, xử lý bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú vẫn đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo A đã bồi thường cho bị hại chị C số tiền 8.300.000 đồng, chị C không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 túi xách màu đỏ, loại túi xách tay, hiện không có giá trị và không sử dụng được, nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu và tiêu hủy 01 túi xách màu đỏ, loại túi xách tay.

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quản lý (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2021).

3. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt lúc tuyên án nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

